

참고

Tham khảo

동절기 및 연말연시 방역 수칙

Nguyên tắc phòng dịch mùa đông và cuối năm

- (기본원칙) 연말 모임·행사는 취소하거나 비대면·비접촉으로 전환, 불요불급한 외출 자제
- (Nguyên tắc cơ bản) Hủy các cuộc hội họp, sự kiện cuối năm hoặc chuyển thành họp mặt online, không tiếp xúc trực tiếp, hạn chế ra ngoài khi không cần thiết
- (부득이한 외출 시) 실내 상시 마스크 착용, 다른 사람과 거리두기, 손씻기 등 방문 장소 및 동선 별로 생활방역 수칙 철저히 준수
- (Khi bắt buộc phải ra ngoài) Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc nơi tới thăm như sử dụng khẩu trang thường xuyên, giữ khoảng cách với người khác, rửa tay v.v

공통

Chung

- 실내 및 2m 이상 거리 유지가 어려운 실외에서 마스크 착용
- Sử dụng khẩu trang trong phòng và ngoài trời ở những nơi khó duy trì khoảng cách 2m
- * 마스크 착용 의무화 및 과태료 부과 대상 시설은 별도 확인
- * Kiểm tra xem nơi nào bắt buộc đeo khẩu trang, và xử phạt nếu không tuân thủ
- 필수적인 경우가 아닌 불요불급한 외출 자제, 비대면·비접촉으로 모임·행사 진행
- Hạn chế ra ngoài không cần thiết, không gấp khi không bắt buộc, tiến hành
- 발열, 호흡기 증상 등 의심 증상이 있는 경우, 선별진료소를 방문하여 검사
- Trường hợp có triệu chứng nghi ngờ như sốt, các triệu chứng hô hấp, đến ngay các cơ sở y tế để kiểm tra
- 타인과 접촉 최소화 및 사람 많은 다중이용시설 이용 자제
- Hạn chế tối đa tiếp xúc với người khác, hạn chế sử dụng chung các cơ sở có nhiều người sử dụng

1. 숙소에서 생활 할 때

“숙소에서 모임없이 안전하게 즐기세요!”

1. Khi sinh hoạt tại nơi ở

“Hãy vui sống an toàn mà không tụ tập tại nơi ở!”

- 연말연시 기간은 소규모로 보내기
- Hãy tổng kết cuối năm quy mô nhỏ
- 손이 많이 닿는 곳(리모컨, 손잡이 등)은 하루에 1번 이상 소독

○ Khử trùng hơn 1 lần 1 ngày những nơi tay hay chạm tới (điều khiển, tay nắm cửa v.v)

○ **연말·새해인사는 영상통화 등 마음으로 함께 하기**

○ Cùng chia sẻ tổng kết năm, lời chào năm mới bằng tâm lòng như gọi điện thoại có hình v.v

2. 부득이하게 외출할 때

“**외출은 가급적 짧게, 혼잡하지 않은 곳으로!**”

2. Trường hợp bắt buộc phải đi ra ngoài

“**Nếu có thể hãy đi thời gian ngắn và đi tới nơi không hỗn tạp!**”

○ **혼잡하지 않은 시간 선택하여 가급적 머무르는 시간 최소화**

○ Lựa chọn thời gian không hỗn tạp để giảm thiểu thời gian ở lại

○ **밀폐·밀집·밀접 장소는 가지 않기**

○ Không tới nơi kín, đông người, san sát

3. 대중교통 이용하여 이동할 때

“**대중교통 이용시엔 마스크, 거리두기는 필수!**”

3. Khi đi chuyên sử dụng phương tiện giao thông công cộng

“**Khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng nhất định phải dùng khẩu trang, giữ khoảng cách!**”

○ **가급적 좌석 예약은 비대면 서비스(사전 온라인 예약, 모바일 체크인 등) 이용**

○ Nếu có thể, sử dụng dịch vụ đặt chỗ online (Đặt trước trên mạng, check in bằng điện thoại v.v)

* **좌석 예매 시 가급적 한 좌석 띄워 예매**

* **Nếu có thể, khi đặt chỗ, hãy đặt chỗ cách ra**

○ **가급적 휴게소 방문 자제, 방문 시 체류시간 최소화 및 공용 공간에서의 음식 섭취 자제**

○ Hạn chế đến các điểm dừng chân, khi đến các điểm dừng chân, hạn chế tối đa thời gian ở lại, hạn chế ăn uống ở không gian chung

○ **객실내 대화·통화 자제, 꼭 필요한 통화는 기차 통로 이용하여 작은 목소리로 통화**

○ Hạn chế nói chuyện, gọi điện thoại trong phòng, nếu thật cần thiết, hãy sử dụng lối đi ra tàu và nói chuyện thật nhỏ

○ **교통수단(차량) 내 음식 섭취 금지**

○ **Cấm ăn uống trên phương tiện giao thông (ô tô)**

4. 연말·연시 등 모임

“**모임은 가급적 취소해요**”

4. Các cuộc hội họp cuối năm

“**Nếu có thể, hãy hạn chế tối đa các cuộc hội họp**”

○ **단체모임은 하지 않고 비대면 즐길거리 찾기**

○ Không tiến hành các cuộc họp tập thể, hãy tìm cách hội họp mà không cần gặp mặt

- 동거하지 않는 지인과의 모임이 필요한 경우 온라인 등 비대면 방식으로 개최
- Khi cần gặp người quen không sống cùng nhà hãy tiến hành theo phương thức không gặp mặt (online)
- 불가피하게 대면 모임을 하는 경우에도 식사는 최대한 자제, 대면 모임 시간 최소화하기
- Trường hợp bắt buộc phải gặp mặt, hạn chế tối đa ăn uống, hạn chế tối đa thời gian gặp mặt
- * 방역관리자 지정 및 참가자 명단 확보, 행사당일 발열 등 증상이 있는 참가자는 참석 중단 및 방역담당자에게 통보
- * Chỉ định người quản lý phòng dịch, lên danh sách người tham gia buổi họp mặt, vào ngày họp mặt, nếu người tham gia có triệu chứng như sốt thì phải dừng gặp mặt, và thông báo cho người quản lý

5. 음식점·카페 등에서 식사할 때

5. Khi ăn uống ở nhà hàng, quán cafe

“외식할 경우 거리유지, 대화자제, 손위생 만은 지켜주세요”

“Khi ra ngoài, hãy tuân thủ giữ khoảng cách, hạn chế nói chuyện, vệ sinh tay”

- 식당·카페는 혼잡하지 않은 장소·시간대에 방문 또는 포장·배달 활용
- Khi đi ăn nhà hàng, quán café đến những nơi không hỗn tạp, hoặc sử dụng dịch vụ mang đi, giao hàng
- 음식섭취 외 시간에는 상시 마스크 착용
- Liên tục dùng khẩu trang trừ khi ăn uống
- 음식을 가지러 가는 등 이동 시, 대기 시 마스크 상시 착용하고 일행이 아닌 다른 사람들과 2m 이상 거리 유지
- Khi chuyển đồ ăn, phải sử dụng khẩu trang khi đứng chờ, và giữ khoảng cách 2m đối với người không phận sự
- 지그재그 또는 한 방향으로 착석, 개별 공간에서 개인별 식사
- Ngồi hình zigzag hoặc ngồi theo 1 hướng, ăn từng khoang riêng biệt
- 음식은 개별식기에 덜어먹고 식기류, 술잔 등은 개별 사용
- Sử dụng đĩa ăn riêng và dụng cụ ăn, chén riêng v.v
- 식사 시 대화 등 침방울이 튀는 행위 및 신체접촉(악수, 포옹 등) 자제
- Khi ăn uống, hạn chế các hành vi bắn nước bọt, động chạm cơ thể (bắt tay, ôm ấp v.v)

6. 귀가 후

“귀가 후 아프면 검사받으세요”

6. Sau khi về nhà

“Sau khi về nhà, hãy kiểm tra sức khỏe nếu thấy ốm”

- 귀가 후, 흐르는 물과 비누로 30초 이상 손 씻기 등 개인방역 철저
- Tuân thủ nghiêm ngặt phòng dịch cá nhân sau khi về nhà, rửa tay dưới vòi nước chảy với xà phòng 30 giây
- 발열 및 호흡기 증상 여부 관찰 및 외출 자제

○ Hạn chế ra ngoài, quan sát xem có triệu chứng sốt hay triệu chứng bệnh hô hấp hay không

* 귀가 후 38도 이상 고열 지속, 증상 악화 시 콜센터(1339, 지역번호+120)나 보건소 문의

* Sau khi về nhà nếu tiếp tục nhiệt độ cao hơn 38 độ C, và khi các triệu chứng trở nặng hãy gọi tư vấn qua điện thoại (1339, mã vùng +120) hoặc trung tâm y tế